

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày 24 – 10 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

Ông Trần Văn Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tùng Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 8 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST ngày 4 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm: 1981 (Vắng mặt);

Trú tại: 2Ô1/10 KP. H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q : Bà Lê Thị M- sinh năm: 1972;
Trú tại: 15Ô3/14, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Thanh V- sinh năm: 1978 (Vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H- sinh năm: 1981 (Vắng mặt);

Cùng trú tại: khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày :

Do mối quan hệ thân quen, vào ngày 8 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Văn Q đã cho bà Phạm Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V vay số tiền là

50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 01 năm; mục đích buôn bán; lãi suất không có. Về hình thức vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thanh, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Sau khi ký hợp đồng, ông Q đã giao tiền vay đầy đủ cho vợ chồng ông V nhưng không lập thành văn bản. Đến hạn trả nợ, bà H và ông V chỉ trả cho ông Q được số tiền 20.000.000đồng. Số tiền còn lại, vào ngày 01/6/2019, bà H có viết bản cam kết là mỗi tháng thanh toán cho ông V 1.000.000đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, vợ chồng bà H vẫn không thanh toán.

Nay, ông Nguyễn Văn Q xác định số tiền cho bà H, ông V vay là tiền riêng của ông Q, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng và có yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V phải trả số tiền vay còn lại là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), về lãi suất phát sinh thì không có yêu cầu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông V không đến Tòa. Đối với bà H chỉ đến Tòa 01 lần vào ngày 01/6/2019 và lập giấy cam kết trả nợ với nội dung xác nhận có nợ ông Nguyễn Văn Q số tiền là 30.000.000đồng và cam kết trả cho ông Q 1.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Nếu vi phạm về thời hạn thanh toán thì sẽ chịu trách nhiệm trả một lần cho ông Q số tiền nợ trên.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi vợ chồng bà H đăng ký nhân khẩu. Cơ quan có thẩm quyền xác nhận, bà H và ông V hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

**** Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về sự vắng mặt bị đơn, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V, tuy nhiên, họ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền gốc là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V thanh toán số tiền vay gốc còn lại là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Q đã cung cấp cho Tòa hợp đồng vay tiền có công chứng số 1034 ngày 8/12/2017 lập tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Văn T, tỉnh BR-VT. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng bà H không có mặt và cũng như không có yêu cầu phản tố. Do vậy, theo khoản 1 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 8/12/2017, ông V và bà H đã ký hợp đồng vay tiền với nội dung ông Q đồng ý cho ông V và bà H vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 01 năm; mục đích vay: Để buôn bán. Nay, ông Q cho rằng ông V , bà H đã thanh toán 20.000.000đồng và hiện nay còn nợ số tiền là 30.000.000đồng nhưng không không cung cấp được cho Tòa biên bản giao nhận tiền cho vay và tiền bên vay đã thanh toán. Tuy nhiên, theo giấy cam kết của bà H và bà M (người đại diện theo ủy quyền của ông Q) lập tại Tòa vào ngày 01/6/2019 thì bà H đã thừa nhận có còn nợ ông Q số tiền là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Như vậy, theo khoản 2 Điều 80 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định bà H còn nợ ông Q 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) là có thật.

Đối với ông Nguyễn Thanh V, quá trình tham gia tố tụng không đến Tòa, không có ý kiến nhưng xét ông V có cùng bà H ký tên bên vay trong hợp đồng

vay tiền nêu trên đồng thời đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, cần buộc ông V phải có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ cho ông Q .

Từ những phân tích ở trên, hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc buộc bà H và ông V phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Tại hợp đồng vay hai bên thỏa thuận không lãi suất và nay ông Q cũng không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V có nghĩa vụ phải trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Thanh V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số TU/2017/0009611 ngày 7 tháng 5 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền